



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	1301026370	ngày 17 tháng 3 năm 2017
Đăng ký Doanh nghiệp số	1301026370	ngày 31 tháng 5 năm 2018

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh hai lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1301026370 ngày 31 tháng 5 năm 2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Phòng Đăng ký Kinh doanh Tỉnh Bến Tre cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lưu Văn Tuấn	Chủ tịch
	Bà Bùi Thị Thúy	Thành viên
	Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
	Ông Phạm Tấn Lợi	Thành viên
	Ông Phạm Hồng Minh	Thành viên

Ban Kiểm soát	Ông Đỗ Văn Biên	Trưởng ban
	Ông Hà Đức Trung	Thành viên
	Bà Lưu Thanh Thảo	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Lưu Văn Tuấn	Giám đốc
	Bà Lê Thị Tố Uyên	Phó Giám đốc

Trụ sở đăng ký	Áp Phước Hậu (Thửa đất số 379, tờ bản đồ số 7) Xã An Phước, Huyện Châu Thành Tỉnh Bến Tre Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 28 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng báo cáo tài chính đã thuyết minh đầy đủ về giá trị của giả định hoạt động liên tục và yếu tố không chắc chắn trọng yếu.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

Tỉnh Bến Tre, ngày 14 tháng 3 năm 2025



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 3 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 28.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 2(c) của báo cáo tài chính, trong đó đề cập rằng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nợ ngắn hạn của Công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty với số tiền là 239.027 triệu VND (1/1/2024: 203.767 triệu VND). Công ty cũng có khoản vay đáng kể cần tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 15). Những điều kiện này được đề cập trong Thuyết minh 2(c) của báo cáo tài chính cho thấy sự tồn tại của những yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ngoại trừ do vấn đề này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00719-25-1



Phạm Huy Cường
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2675-2024-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2025



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		82.665.397.730	62.945.773.266
Tiền	110	4	29.077.410.033	4.082.563.506
Tiền	111		29.077.410.033	4.082.563.506
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.032.116.419	15.409.393.310
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	17.762.126.056	15.327.716.433
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		35.944.989	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		234.045.374	81.676.877
Hàng tồn kho	140	6	34.898.843.826	42.312.622.723
Hàng tồn kho	141		34.898.843.826	42.319.406.535
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(6.783.812)
Tài sản ngắn hạn khác	150		657.027.452	1.141.193.727
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		657.027.452	1.141.193.727
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		436.779.649.821	476.062.371.856
Các khoản phải thu dài hạn	210		20.000.000	20.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		20.000.000	20.000.000
Tài sản cố định	220		417.600.504.237	456.495.893.600
Tài sản cố định hữu hình	221	7	417.600.504.237	456.495.893.600
Nguyên giá	222		741.728.664.285	741.564.449.652
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(324.128.160.048)	(285.068.556.052)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	164.214.633
Xây dựng cơ bản dở dang	242	8	-	164.214.633
Tài sản dài hạn khác	260		19.159.145.584	19.382.263.623
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	17.917.066.725	18.437.716.620
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	10	1.242.078.859	944.547.003
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		519.445.047.551	539.008.145.122

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		386.785.406.869	409.811.265.613
Nợ ngắn hạn	310		321.692.183.446	266.713.270.464
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	78.324.074.609	56.881.421.943
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.162.125	2.973.000
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12	49.622.473.768	73.067.768.272
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	5.427.381.504	8.049.607.917
Phải trả ngắn hạn khác	319	14	938.715.845	1.288.178.447
Vay ngắn hạn	320	15(a)	187.268.373.119	127.213.318.409
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	16	110.002.476	210.002.476
Nợ dài hạn	330		65.093.223.423	143.097.995.149
Vay dài hạn	338	15(b)	54.446.469.452	138.446.469.452
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	10	10.646.753.971	4.651.525.697
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		132.659.640.682	129.196.879.509
Vốn chủ sở hữu	410	17	132.659.640.682	129.196.879.509
Vốn cổ phần	411	18	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.659.640.682	29.196.879.509
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		29.196.879.509	28.550.799.063
- Lợi nhuận trong năm nay	421b		3.462.761.173	646.080.446
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		519.445.047.551	539.008.145.122

Ngày 14 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Phạm Thế Lộc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng	01	20	524.725.475.880	472.021.195.626
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.610.468	-
Doanh thu thuần từ bán hàng (10 = 01 - 02)	10		524.723.865.412	472.021.195.626
Giá vốn hàng bán	11	21	492.259.406.836	433.478.762.119
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		32.464.458.576	38.542.433.507
Doanh thu hoạt động tài chính	21		5.696.402	81.385.591
Chi phí tài chính	22		13.769.259.230	25.459.855.133
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.769.259.230	25.459.855.133
Chi phí bán hàng	25		200.107.792	360.687.686
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	11.207.892.472	10.534.635.082
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		7.292.895.484	2.268.641.197
Thu nhập khác	31	23	5.806.449.983	1.853.008.485
Chi phí khác	32	24	3.520.894.001	3.314.049.125
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		2.285.555.982	(1.461.040.640)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		9.578.451.466	807.600.557
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	417.993.875	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	26	5.697.696.418	161.520.111
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.462.761.173	646.080.446

Ngày 14 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Phạm Thế Lộc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		9.578.451.466	807.600.557
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		39.059.603.996	39.871.543.208
Các khoản dự phòng	03		(6.783.812)	6.783.812
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(5.696.402)	(81.385.591)
Chi phí lãi vay	06		13.769.259.230	25.459.855.133
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		62.394.834.478	66.064.397.119
Biến động các khoản phải thu	09		(2.622.723.109)	(8.455.606.526)
Biến động hàng tồn kho	10		7.420.562.709	12.867.656.777
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(4.238.130.945)	53.192.847.674
Biến động chi phí trả trước	12		1.004.816.170	(350.567.483)
			63.959.359.303	123.318.727.561
Tiền lãi vay đã trả	14		(14.507.270.013)	(26.166.253.761)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(417.993.875)	(1.143.930.894)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(100.000.000)	(1.746.796.582)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48.934.095.415	94.261.746.324

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		-	(649.375.457)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		5.696.402	81.385.591
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.696.402	(567.989.866)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		958.490.470.783	630.252.560.690
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(982.435.416.073)	(712.217.611.828)
Tiền chi trả cổ tức	36		-	(10.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.944.945.290)	(91.965.051.138)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		24.994.846.527	1.728.705.320
Tiền đầu năm	60		4.082.563.506	2.353.858.186
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	29.077.410.033	4.082.563.506

Ngày 14 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Phạm Thế Lộc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, và nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 84 nhân viên (1/1/2024: 87 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 239.027 triệu VND (1/1/2024: 203.767 triệu VND). Công ty cũng có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 15). Hơn nữa, Công ty chủ yếu sản xuất và bán hàng cho bên liên quan là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn. Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng và hỗ trợ điều khoản thanh toán từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, tạo ra dòng tiền thuần thu vào từ hoạt động kinh doanh và có sẵn các khoản tín dụng ngân hàng nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại ngày lập báo cáo này, Công ty vẫn còn hạn mức tín dụng ngân hàng chưa sử dụng và khoản hỗ trợ thời hạn thanh toán từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn đã được gia hạn thành 45 ngày cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2025 tới ngày 31 tháng 3 năm 2025. Ban Giám đốc Công ty tương đối tin rằng Công ty sẽ tiếp tục nhận đủ đơn đặt hàng và tiếp tục nhận được khoản vay từ ngân hàng.

Tuy nhiên, những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của những yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính này không bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể cần thiết trong trường hợp Công ty không thể tiếp tục tồn tại.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 46 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 6 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm |



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 48 đến 52 năm.

(ii) Bao bì luân chuyển

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két inox 1 đến 2 lít sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(g) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(l) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời gian thuê.

(n) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(o) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền

	31/12/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	29.077.410.033	4.082.563.506

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn - một bên liên quan	16.915.645.267	14.463.299.133
Các khách hàng khác	846.480.789	864.417.300
	17.762.126.056	15.327.716.433

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	6.971.510.127	-	7.410.892.990	(6.783.812)
Công cụ và dụng cụ	7.049.560.335	-	6.482.144.044	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.144.203.626	-	573.913.244	-
Thành phẩm	6.733.569.738	-	27.852.456.257	-
	34.898.843.826	-	42.319.406.535	(6.783.812)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	6.783.812	-
(Hoàn nhập)/dự phòng trích lập trong năm	(6.783.812)	6.783.812
	-	6.783.812

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	198.328.117.430	538.224.891.967	5.011.440.255	741.564.449.652
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	164.214.633	-	164.214.633
Phân loại lại	(288.369.145)	288.369.145	-	-
<hr/>				
Số dư cuối năm	198.039.748.285	538.677.475.745	5.011.440.255	741.728.664.285
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	36.184.104.386	244.621.166.889	4.263.284.777	285.068.556.052
Khấu hao trong năm	5.665.853.928	32.662.278.286	731.471.782	39.059.603.996
<hr/>				
Số dư cuối năm	41.849.958.314	277.283.445.175	4.994.756.559	324.128.160.048
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	162.144.013.044	293.603.725.078	748.155.478	456.495.893.600
Số dư cuối năm	156.189.789.971	261.394.030.570	16.683.696	417.600.504.237

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình là tài sản có giá trị 9.849 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (01/01/2024: không) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 417.601 triệu VND (1/1/2024: 456.496 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15(b)).

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	2024 VND
Số dư đầu năm	164.214.633
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 7)	(164.214.633)
<hr/>	
Số dư cuối năm	-

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	17.673.988.440	243.681.000	520.047.180	18.437.716.620
Tăng trong năm	-	166.000.000	150.029.652	316.029.652
Phân bổ trong năm	(409.433.652)	(115.875.466)	(311.370.429)	(836.679.547)
Số dư cuối năm	17.264.554.788	293.805.534	358.706.403	17.917.066.725

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 17.265 triệu VND (1/1/2024: 17.674 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 15(b)).

10. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/(thuế thu nhập hoãn lại phải trả)

	Thuế suất	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	20%	1.242.078.859	944.547.003
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Chênh lệch tạm thời phát sinh từ khấu hao tài sản cố định hữu hình	20%	(10.646.753.971)	(4.651.525.697)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần		(9.404.675.112)	(3.706.978.694)

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	74.840.176.095	53.519.169.664
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại và Sản xuất Lê Lờ	1.177.068.000	1.664.520.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Năng Lượng Xanh	478.798.079	504.455.105
Các nhà cung cấp khác	1.828.032.435	1.193.277.174
	78.324.074.609	56.881.421.943

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	74.840.176.095	53.519.169.664
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn	-	162.432.000
	74.840.176.095	53.681.601.664

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi có yêu cầu.

12. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.202.157.205	102.319.166.530	(104.094.261.419)	6.427.062.316
Thuế tiêu thụ đặc biệt	64.804.817.663	498.381.141.845	(520.109.366.005)	43.076.593.503
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	417.993.875	(417.993.875)	-
Thuế thu nhập cá nhân	60.793.404	567.451.791	(509.427.246)	118.817.949
Các loại thuế khác	-	499.209.759	(499.209.759)	-
	73.067.768.272	602.184.963.800	(625.630.258.304)	49.622.473.768

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí thường	4.120.424.922	4.715.951.201
Chi phí lãi vay phải trả	878.841.232	1.616.852.015
Chi phí phải trả khác	428.115.350	1.716.804.701
	5.427.381.504	8.049.607.917
	5.427.381.504	8.049.607.917

14. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí mua hàng trích trước	227.870.845	496.913.332
Phải trả ngắn hạn khác	710.845.000	791.265.115
	938.715.845	1.288.178.447
	938.715.845	1.288.178.447

15. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2024	Biến động trong năm		31/12/2024
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn (*)	61.213.318.409	958.490.470.783	895.435.416.073	124.268.373.119
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 15(b))	66.000.000.000	84.000.000.000	87.000.000.000	63.000.000.000
	127.213.318.409	1.042.490.470.783	982.435.416.073	187.268.373.119
	127.213.318.409	1.042.490.470.783	982.435.416.073	187.268.373.119



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(*) Điều khoản và điều kiện của khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4, TP Hồ Chí Minh	VND	2,60% - 3,80%	124.268.373.119	61.213.318.409

Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4, TP Hồ Chí Minh có hạn mức tín dụng là 125.000 triệu VND và được đảm bảo bằng tài sản như được trình bày ở Thuyết minh 15(b).

(b) Vay dài hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Vay dài hạn (*) Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 15(a))	117.446.469.452 (63.000.000.000)	204.446.469.452 (66.000.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	54.446.469.452	138.446.469.452

(*) Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Vietinbank - Chi nhánh 4, TP Hồ Chí Minh	VND	6,31% - 7,50%	2026	117.446.469.452	204.446.469.452

Khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ Vietinbank – Chi nhánh 4, TP. Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 434.866 triệu VND (1/1/2024: 474.170 triệu VND) (Thuyết minh 7 và Thuyết minh 9).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2024	2023
	VND	VND
Số dư đầu năm	210.002.476	1.956.799.058
Sử dụng trong năm	(100.000.000)	(1.746.796.582)
	110.002.476	210.002.476
Số dư cuối năm	110.002.476	210.002.476

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Lợi nhuận	Tổng
	VND	sau thuế chưa	VND
		phân phối	VND
		VND	
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	100.000.000.000	33.550.799.063	133.550.799.063
Lợi nhuận thuần trong năm	-	646.080.446	646.080.446
Cổ tức	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
	100.000.000.000	29.196.879.509	129.196.879.509
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	100.000.000.000	29.196.879.509	129.196.879.509
Lợi nhuận thuần trong năm	-	3.462.761.173	3.462.761.173
	100.000.000.000	32.659.640.682	132.659.640.682
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	100.000.000.000	32.659.640.682	132.659.640.682

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024 và 1/1/2024	
	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	100.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	100.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Nguyên vật liệu nhận giữ hộ một bên liên quan

	Đơn vị	31/12/2024	31/12/2023
Nguyên vật liệu	kg	319.080	1.399.360

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2024 VND	2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	513.010.123.157	466.683.589.517
▪ Bán bã bia	5.473.957.900	5.051.745.500
▪ Bán bao bì	5.440.861.922	-
▪ Doanh thu khác	800.532.901	285.860.609
	<hr/> 524.725.475.880	<hr/> 472.021.195.626

21. Giá vốn hàng bán

	2024 VND	2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	486.762.367.113	433.478.762.119
▪ Bao bì đã bán	5.497.039.723	-
	<hr/> 492.259.406.836	<hr/> 433.478.762.119

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	8.286.737.449	7.283.282.230
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	87.898.889	95.204.156
Chi phí khấu hao	275.207.662	443.232.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.034.581.330	2.138.219.867
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	523.467.142	574.696.637
	<hr/> 11.207.892.472	<hr/> 10.534.635.082

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Thu nhập khác

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận từ việc thanh lý chai và thùng	4.486.129.519	6.567.864
Thu nhập khác	1.320.320.464	1.846.440.621
	<hr/> 5.806.449.983	<hr/> 1.853.008.485

24. Chi phí khác

	2024 VND	2023 VND
Chi phí khấu hao máy móc tạm ngừng hoạt động	2.921.581.902	3.076.656.281
Chi phí khác	599.312.099	237.392.844
	<hr/> 3.520.894.001	<hr/> 3.314.049.125

25. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	400.447.699.246	384.900.431.558
Chi phí nhân công và nhân viên	22.588.540.011	21.753.226.184
Chi phí khấu hao	39.059.603.996	39.871.543.208
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.655.495.668	10.862.252.299
Chi phí khác	676.902.199	888.470.318
	<hr/> 483.828.141.120	<hr/> 468.866.334.567

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2024	2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Dự phòng thiếu những năm trước	417.993.875	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	5.697.696.418	161.520.111
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	6.115.690.293	161.520.111

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024	2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	9.578.451.466	807.600.557
Thuế theo thuế suất của Công ty	1.915.690.293	161.520.111
Chi phí không được khấu trừ thuế	891.194.812	719.021.256
Chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	2.890.811.313	(719.021.256)
Dự phòng thiếu những năm trước	417.993.875	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	6.115.690.293	161.520.111

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	1.010.309.483.610	915.125.207.400
Bán bao bì và bán khác	5.622.774.239	116.034.984
Mua nguyên vật liệu	391.659.679.706	327.887.461.958
Cổ tức đã trả	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Cung cấp dịch vụ	192.283.077	144.269.231
Bán khác	952.958.572	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua hàng hóa	261.180.000	583.425.000
Mua dịch vụ	225.000.000	192.610.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa	99.095.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Tập đoàn Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	69.400.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Cung cấp dịch vụ	-	120.920.578
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lưu Văn Tuấn – Chủ tịch	177.000.000	96.000.000
Bà Bùi Thị Thúy – Thành viên	149.000.000	72.000.000
Ông Phạm Tấn Lợi – Thành viên	149.000.000	72.000.000
Ông Phạm Hồng Minh – Thành viên	149.000.000	72.000.000
Ông Đinh Văn Thuận – Thành viên	177.000.000	72.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và các phúc lợi khác	2.214.971.123	2.274.687.297

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bến Tre

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

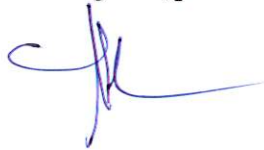
	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
Thành viên Ban kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Ông Đỗ Văn Biên – Trưởng ban	114.000.000	72.000.000
Ông Hà Đức Trung – Thành viên	86.000.000	48.000.000
Bà Lưu Thanh Thảo – Thành viên	86.000.000	48.000.000

28. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Phạm Thế Lộc
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lưu Văn Tuấn
Giám đốc

